

Hướng dẫn sử dụng

TRUBOND™

CHỈ KHÂU PHẪU THUẬT KHÔNG TIÊU U.S.P

(Được phủ Polyester)

MÔ TẢ

TRUBOND™ là chỉ khâu phẫu thuật không tiêu được vô trùng, được làm từ các sợi tơ mảnh bằng Polyester, Poly Ethylene Tere Phthalate. Sợi polyester mảnh được bện để tạo độ chắc chắn nhưng vẫn mềm và dẻo dai. Trubond có màu xanh lá cây với mã màu xanh lá cây D & C số 5 - thuốc nhuộm được F.D.A Hoa Kỳ phê duyệt hoặc nhuộm màu đen bằng chiết xuất gỗ huyết mộc, tuân thủ theo Bộ luật Hoa Kỳ về các quy định liên bang. Trubond cũng có loại không nhuộm màu. Để tăng độ bôi trơn và phẳng phiu, Trubond được tráng silicone trơn có tính sinh học cao hoặc Polybutylate hoặc sáp hoặc Teflon. Trubond đáp ứng tất cả các yêu cầu, được thiết lập bởi Dược điển Hoa Kỳ đối với chỉ khâu phẫu thuật không tiêu.

CHỈ ĐỊNH:

TRUBOND™ được chỉ định để sử dụng trong các phần gân mô mềm và/ hoặc thắt buộc bằng chỉ, bao gồm cả việc sử dụng trong các thủ thuật nhãn khoa nhưng không sử dụng trong mô tim mạch và thần kinh.

HOẠT ĐỘNG:

TRUBOND™ là chỉ khâu được bện, cho phép thắt nút an toàn. Trubond mềm và dẻo dai và rất dễ dàng xử lý. Nó gây ra phản ứng viêm ban đầu ở mô mà dẫn đến sự khép kín dần của vết khâu bằng các mô liên kết dạng sợi. Trubond không bị hấp thu, cũng không bị tan rã hoặc suy yếu bởi hoạt động của các enzyme mô. Do tính trơ sinh học hoàn toàn, nó được khuyến cáo sử dụng nơi mà có nhiều nguy cơ xảy ra các phản ứng khâu. Do không dính chặt vào mô, Trubond có thể rút ra được.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Chưa có.

CẢNH BÁO:

Không được tái khử trùng. Vứt bỏ chỉ khâu không sử dụng. Chỉ khâu này hay bất kỳ chỉ khâu nào khi tiếp xúc kéo dài với dung dịch muối, chẳng hạn như những chất có trong dải niệu hay mật, có thể dẫn đến hình thành sỏi. Người sử dụng nên làm quen với các thủ tục phẫu thuật và kỹ thuật liên quan đến chỉ tự tiêu trước khi sử dụng chỉ khâu Trubond để khâu vết thương, vì nguy cơ rạn nứt vết thương có thể khác nhau với vị trí ứng dụng và vật liệu khâu được sử dụng. Do bất kỳ vật thể lạ nào có sự nhiễm bẩn vi khuẩn có thể làm tăng khả năng lây nhiễm của vi khuẩn, thực hiện phẫu thuật chấp nhận được phải thận trọng đối với dẫn lưu và khâu các vết thương bị nhiễm trùng hoặc bị bẩn.

THẬN TRỌNG:

Trong việc xử lý chỉ khâu Trubond hoặc bất kỳ vật liệu khâu nào khác, cần cẩn thận để tránh tổn thương khi xử lý. Tránh tổn thương bởi sức ép hoặc sức uốn do sử dụng các dụng cụ phẫu thuật như kẹp hoặc giá đỡ kim. Với bất kỳ vật liệu khâu nào, sự đảm bảo an toàn vừa đủ của phần thắt nút đòi hỏi kỹ thuật phẫu thuật được chấp thuận với các nút buộc phẳng và vuông có phần cổ thừa được bảo đảm bởi các tình huống phẫu thuật và kinh nghiệm của bác sĩ phẫu thuật.

PHẢN ỨNG PHỤ:

Các phản ứng phụ có liên quan đến việc sử dụng Trubond bao gồm: phản ứng mô bị viêm ban đầu rất nhỏ và kích ứng cục bộ tạm thời ở vùng bị thương, hình thành sỏi ở đường tiết niệu và ống mật khi tiếp xúc lâu dài với các dung dịch muối như nước tiểu và mật,...Trubond cũng có nguy cơ gây nhiễm trùng

CUNG CẤP:

TRUBOND™ hiện có kích cỡ U.S.P., 5-0, 4-0, 3-0,2-0, 0,1 và 2 (1 mét đến 7 mét). Chỉ khâu được cung cấp vô trùng với chiều dài cắt trước, cả loại không có kim và gắn với nhiều loại kim, có nhiều hình dạng và chiều dài. 12 gói hàng được đóng gói trong một hộp in. 30 hộp như vậy được đóng gói trong thùng carton to.

BẢO QUẢN:

Điều kiện bảo quản được khuyến cáo: Dưới 30°C. Tránh xa nơi ẩm ướt và tỏa nhiệt trực tiếp. Không sử dụng sau khi hết hạn.

CÁC KÍ HIỆU TRÊN NHÃN



Không tái sử dụng



Số lô sản phẩm



Ngày sản xuất



Ngày hết hạn



Không sử dụng nếu hộp bị rách hỏng



Phương pháp vô trùng – Khí Etylen oxit



Sản xuất bởi:

SUTURES INDIA PVT. LTD

472 D, 13th Cross, 4th Phase,

Khu công nghiệp Peenya,

Bangalore – 560058, Ấn Độ

Email: sales@suturesin.com

Số Chăm sóc khách hàng (Tổng đài miễn phí) –

1800 102 5025



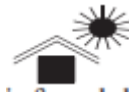
Không vượt quá 30°C



Chú ý: Xem hướng dẫn sử dụng



Tránh nơi ẩm ướt



Tránh ánh nắng trực tiếp



MED DEVICES LIFE SCIENCES LTD.

The Black Church, St. Mary's Place, Dublin 7, Ireland

Email: info@meddevices.net

Điện thoại: +353 766801106

F/PI/09 Rev: 02 – 01/07/2013